

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7- 2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Nam.

Ông Dương Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/HNGĐ-ST ngày 02/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Mai N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xã Vinh H, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Willow Ridge Dr. Glen Allen, Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Mai N và bà Huỳnh Thị B quen biết nhau từ trước và hai người kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/7/2016.

Sau khi kết hôn, bà B trở lại Hoa Kỳ, vợ chồng ít liên lạc với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, hai người không còn quan tâm nhau nữa. Nay ông N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên viết đơn xin ly hôn bà B để sớm ổn định cuộc sống cho hai người.

Đối với bà B: Ngày 07/12/2017 và ngày 28/5/2018 bà B có văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và trình bày ý kiến của mình, qua văn bản bà B cho rằng vợ chồng bà ít liên lạc với nhau, không chia sẻ gần bó hay giúp đỡ nhau trong cuộc sống, nên bà đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà và ông N được ly hôn để tạo cho mỗi người có cuộc sống mới. Bà B xin xét xử vắng mặt bà, vì bà bận đi học và công tác nên không về Việt Nam tham gia tố tụng được.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà B xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Tòa án chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông N được ly hôn bà B. Về các mối quan hệ khác đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Mai N và bà Huỳnh Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/7/2016 là phù hợp pháp luật.

[2]. Sau khi kết hôn một ngày thì bà B trở về Hoa Kỳ. Do điều kiện mỗi người ở một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nên ông N xin ly hôn bà B. Trong quá trình xác minh và tại phiên tòa hôm nay, ông N vẫn xin được ly hôn với bà B. Đối với bà B đã có đơn xin ly hôn ngày 07/12/2017 và ngày 28/5/2018 bà B có văn bản trả lời cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là đồng ý ly hôn với ông N, văn bản đã được hợp pháp hóa Lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự cho ông Mai N được

ly hôn với bà Huỳnh Thị B để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh là có cơ sở.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông N, bà B xác định là không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Ông Mai N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 123, Điều 127, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Cho ông Mai N được ly hôn với bà Huỳnh Thị B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà B xác định là không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Mai N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 005357 ngày 22/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Mai N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Huỳnh Thị B trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- UBND huyện Phú V;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu VPTDS;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

La Minh Tường